

Số: 3173 /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2015
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Công văn số 2031/BTTTT-THH ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đôn đốc triển khai Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2015;

Căn cứ Kế hoạch số 3229/KH-BVHTTDL ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 47/NQ-CP của Chính phủ về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi là Kế hoạch).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *L*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Hoàng Tuấn Anh;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KHCNMT (4), BT 125.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

[Handwritten signature]
Đặng Thị Bích Liên

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(Ban hành theo Quyết định số 3173 /QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Công văn số 2031/BTTTT-THH ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đôn đốc triển khai Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2015;
- Căn cứ Kế hoạch số 3229/KH-BVHTTDL ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 47/NQ-CP của Chính phủ về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước;

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA BỘ

1. Hạ tầng kỹ thuật

1.1. Trang thiết bị công nghệ thông tin

a) Những kết quả đạt được

- 100% cán bộ, công chức thuộc khối tham mưu quản lý nhà nước và các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin được trang bị máy vi tính.
- 100% máy tính được trang bị phần mềm diệt virus BKAV Pro, Kaspersky, Symantex, Nod 32.
- Trên 4305 máy tính có kết nối Internet băng thông rộng, trong đó 243 máy tính không kết nối Internet vì lý do an ninh.

b) Một số hạn chế

- Hệ thống máy tính được trang bị trong nhiều giai đoạn nên mức độ đồng bộ chưa cao, nhiều máy tính lỗi thời cấu hình không đủ mạnh để cài đặt các phần mềm hỗ trợ công tác, nghiên cứu.

- Tại các đơn vị sự nghiệp tỉ lệ trang bị máy tính cho viên chức vẫn còn ở mức thấp (dưới 40%).

1.2. Hệ thống mạng

a) Những kết quả đạt được

- 100% cơ quan, đơn vị thuộc Bộ kết nối mạng LAN.

- 100% máy chủ được sử dụng phù hợp nhằm phát huy tối đa hiệu suất, đáp ứng nhu cầu xử lý dữ liệu, lưu trữ và các chức năng dịch vụ mạng khác như mail server, webserver, back up,...

- Tại khối cơ quan Bộ, Tổng cục Du lịch, Tổng cục Thể dục Thể thao đã được trang bị đường truyền tốc độ cao (SHDSL, cáp quang) nối với Cục Bưu điện Trung ương đáp ứng cơ bản băng thông kênh truyền internet phục vụ nhu cầu công tác của cán bộ, công chức.

b) Một số hạn chế

- Do các mạng LAN được xây dựng trong nhiều giai đoạn nên hệ thống đầu nối, đường truyền không đồng bộ. Nhiều đơn vị, đặc biệt khối đơn vị sự nghiệp, trường học do đặc trưng địa hình trải rộng, cách xa nhau nên hệ thống thiết bị, đường truyền mạng chưa đáp ứng được yêu cầu về tốc độ.

- Vấn đề an toàn, an ninh hệ thống thông tin điện tử còn thấp: Tổng số mạng LAN đã có hệ thống an toàn dữ liệu (tủ/băng đĩa/ SAN/NAS): 35/161; tổng số mạng LAN được bảo vệ bởi hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép: 42/161.

- Phần lớn máy chủ đã lỗi thời do được trang bị từ Seagames 22, Đề án 112,... nên khả năng đáp ứng vai trò cần thiết của máy chủ đối với hệ thống mạng rất hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến quản lý các ứng dụng liên quan máy chủ.

- Chưa kết nối được mạng WAN giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và từ Bộ tới các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan, đơn vị

2.1. Trong công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành

a) Những kết quả đạt được

- Thông tin về công tác chỉ đạo, điều hành, các hoạt động của Bộ, ngành và các cơ quan, đơn vị trực thuộc đã được đưa lên Cổng thông tin điện tử Bộ.

- Các kênh thông tin về những lĩnh vực công tác trọng tâm của Bộ, ngành thường xuyên được cập nhật tại Cổng thông tin điện tử của Bộ, phục vụ tích cực cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

- Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện đã được đưa vào sử dụng phục vụ đắc lực cho công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ.

b) Một số hạn chế

Việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành của Lãnh đạo Bộ, xây dựng các cơ sở dữ liệu điện tử chuyên ngành đến

xử lý thông tin, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị chưa mang lại hiệu quả cao, mới chỉ áp dụng qua trao đổi thư điện tử; việc trao đổi văn bản điện tử qua mạng chưa được thực hiện đồng nhất.

2.2. Trong công tác chuyên môn nghiệp vụ, tin học hóa văn phòng

a) Những kết quả đạt được

- 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hiệu quả máy vi tính đã được trang bị để xử lý công việc.

- 18 phần mềm hỗ trợ quản lý hoạt động đã được các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ sử dụng, gồm có: hệ thống phần mềm điều hành tác nghiệp Portal Office; phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng; phần mềm quản lý nhân sự; phần mềm quản lý đề tài khoa học; phần mềm quản lý tài chính - kế toán; phần mềm quản lý tài sản thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán; phần mềm quản lý công tác thi đua - khen thưởng; phần mềm quản lý bài hát đã được cấp phép; hệ thống phần mềm cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan; hệ thống phần mềm quản lý, cấp phép doanh nghiệp lữ hành quốc tế; hệ thống phần mềm cập nhật cơ sở dữ liệu thuộc ngành thể dục, thể thao; hệ thống quản lý, xếp hạng cơ sở lưu trú; hệ thống phần mềm quản lý hiện vật tại bảo tàng và di tích lịch sử văn hóa; phần mềm quản lý di tích; hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ di tích; phần mềm quản lý bảo tàng; phần mềm quản lý di sản văn hóa phi vật thể; phần mềm quản lý thông tin các đơn vị quản lý di sản văn hóa; phần mềm quản lý sách, tạp chí.

- 100% các cơ quan, đơn vị hiện có trang tin điện tử thuộc phạm vi quản lý của mình đã quản lý và khai thác có hiệu quả và phần lớn đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Bộ.

- Hệ thống thư tên miền *@mocst.gov.vn* do Văn phòng Bộ quản lý, đang xây dựng dự kiến có 500 cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ sử dụng.

- Hệ thống thư tên miền *@cinet.gov.vn* do Trung tâm Công nghệ thông tin quản lý hiện có gần 300 cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc Bộ sử dụng.

- Hệ thống thư tên miền *@tdtt.gov.vn* của Tổng cục Thể dục Thể thao trên 200 cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc Tổng cục; 63 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trên 70 đơn vị trực thuộc và các Liên đoàn, Hiệp hội Thể dục thể thao sử dụng.

- Hệ thống thư tên miền *@vietnamtourism.gov.vn* của Tổng cục Du lịch hiện có gần 250 cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc Tổng cục sử dụng.

- 95% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc.

- 90% văn bản được trao đổi qua thư điện tử trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

- 76% văn bản được trao đổi qua thư điện tử với các cơ quan, đơn vị bên ngoài.

- 73 % văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

- 66 % văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến với cơ quan bên ngoài.

b) Một số hạn chế

- Phần mềm ứng dụng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ yếu là các ứng dụng nhỏ, độc lập trong mạng nội bộ.

- Mức độ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ để thúc đẩy triển khai các hệ thống thông tin thiếu chặt chẽ, việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ vẫn còn nhiều hạn chế.

- Số cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng còn thấp. Tỷ lệ văn bản điện tử lưu chuyển qua mạng giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ vẫn ở mức thấp (khoảng dưới 40%).

3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Những kết quả đạt được

- Thường xuyên cập nhật và khai thác 10 hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử Bộ: cơ sở dữ liệu Danh mục các di sản văn hóa; cơ sở dữ liệu Danh hiệu vinh dự nhà nước; cơ sở dữ liệu Các bài hát sáng tác trước năm 1975 được phép phổ biến; cơ sở dữ liệu Lễ hội; cơ sở dữ liệu Luật thi đấu các môn thể thao; cơ sở dữ liệu Dữ liệu thể dục thể thao địa phương; cơ sở dữ liệu Danh sách vận động viên quốc gia; cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp lữ hành du lịch; cơ sở dữ liệu Hướng dẫn viên du lịch; cơ sở dữ liệu Cơ sở lưu trú từ 3-5 sao.

- Các hệ thống cơ sở dữ liệu khác đang được sử dụng rất hiệu quả như: Mạng thông tin văn hóa (*cinet.gov.vn*); cơ sở dữ liệu Dân tộc Việt Nam; cơ sở dữ liệu Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam; cơ sở dữ liệu Di sản Thế giới tại Việt Nam; cơ sở dữ liệu Di tích; cơ sở dữ liệu Hiện vật tại bảo tàng và di tích; cơ sở dữ liệu Bảo tàng; cơ sở dữ liệu Văn hóa phi vật thể; cơ sở dữ liệu Thông tin các đơn vị ngành di sản văn hóa; cơ sở dữ liệu Văn học; cơ sở dữ liệu Âm nhạc; cơ sở dữ liệu công trình nghiên cứu khoa học của Bộ; cơ sở dữ liệu Niên giám đăng ký Quyền tác giả Việt Nam; cơ sở dữ liệu vận động viên và thành tích thi đấu; cơ sở dữ liệu công tác phát triển thể dục thể thao xã, phường, thị trấn; cơ sở dữ liệu niên giám; cơ sở dữ liệu Quản lý các đề án, dự án đầu tư; cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật ngành...

- Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 cung cấp qua Cổng thông tin điện tử của Bộ: 127 dịch vụ.

- Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên đang được thử nghiệm thuộc dự án CPnet: 96 dịch vụ.

b) Một số hạn chế

- Chậm triển khai dịch vụ công mức độ 3 và 4.

- Khả năng sẵn sàng kết nối liên thông giữa các hệ thống công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong việc cung cấp dịch vụ công còn yếu.

4. Nguồn nhân lực

a) Những kết quả đạt được

- 100 % cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đã bố trí tối thiểu 01 cán bộ thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, đáp ứng nhu cầu trao đổi chuyên môn và thực hiện các chủ trương, hướng về ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đội ngũ chuyên môn (văn bằng) về công nghệ thông tin của Bộ gần 60 người, trong đó: Trung tâm Công nghệ thông tin có 16 người (15 trình độ đại học, 01 ThS đang làm NCS); Trung tâm Thông tin Du lịch 10 người trình độ đại học; Trung tâm Thông tin Thể dục, thể thao có 30 người trình độ đại học.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên dùng máy tính trong chuyên môn nghiệp vụ. 1400 cán bộ, công chức, viên chức làm việc thường xuyên trong môi trường mạng để khai thác thông tin; 3000 lượt cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được bồi dưỡng về công nghệ thông tin.

b) Một số hạn chế

- Thiếu đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn cao, đáp ứng khả năng vận hành các hệ thống thông tin và triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn ngành.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin nhìn chung vẫn còn thiếu, chất lượng chưa cao để nắm bắt kịp công nghệ mới lĩnh vực công nghệ thông tin để áp dụng vào hoạt động của Bộ.

5. Báo cáo về kinh phí thực hiện Kế hoạch năm 2014

Năm 2014, Lãnh đạo Bộ đã quan tâm đầu tư cho công nghệ thông tin. Tuy nhiên tổng kinh phí bao gồm từ nguồn vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp và từ nguồn thu của đơn vị sự nghiệp vẫn còn thấp, chưa đáp được nhu cầu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ.

- Kinh phí chi cho hạ tầng kỹ thuật: Các cơ quan, đơn vị đã sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được cấp hàng năm để chủ động triển khai các hoạt động sửa chữa, mua sắm nhỏ trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị mạng. Tuy nhiên, nguồn kinh phí này chưa đáp ứng được nhu cầu nâng cấp, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm tại cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

- Kinh phí chi cho ứng dụng công nghệ thông tin: Chủ yếu tập trung vào dự án lớn (Cpnet). Việc đầu tư xây dựng, nâng cấp các phần mềm ứng dụng, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, chỉ đạo điều hành còn thấp. Các ứng dụng phục vụ công tác giảng dạy, quản lý tại các đơn vị sự nghiệp khối trường học, bảo tàng, nhà hát cũng chưa được đầu tư phù hợp.

III. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2015

1. Thực hiện đầy đủ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát

triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế và Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

2. Ưu tiên các nhiệm vụ, dự án ứng dụng và phát triển theo thứ tự sau:

a) Các nhiệm vụ, dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đang triển khai thực hiện và chưa nghiệm thu;

b) Các nhiệm vụ, dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin của Lãnh đạo Bộ đến các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến; ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp;

c) Các nhiệm vụ, dự án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin;

d) Các nhiệm vụ, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

3. Ngân sách nhà nước đầu tư 100% cho cơ quan quản lý nhà nước và hành chính sự nghiệp; hỗ trợ một phần cho đơn vị sự nghiệp có thu. Các đơn vị sự nghiệp có thu có trách nhiệm sử dụng nguồn thu của đơn vị cho hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của đơn vị.

4. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ sử dụng nguồn ngân sách được cấp năm 2015 để bố trí kinh phí phù hợp, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, tiết kiệm chi phí.

IV. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2015

Xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin phần đầu tiếp tục đứng trong top 6 trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Xếp hạng theo tiêu chí thành phần về nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin phần đầu tiếp tục đứng thứ 6 trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

1. Hạ tầng công nghệ thông tin

a) 100% cán bộ, công chức khối cơ quan quản lý nhà nước có máy tính cá nhân kết nối kết nối Internet băng thông rộng (xDSL);

b) Hoàn thiện, nâng cấp, bảo đảm 100% cơ quan quản lý nhà nước (cấp Cục hoặc tương đương) có trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin được quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ và kết nối với Cổng thông tin điện tử của Bộ;

c) Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống mạng LAN với tốc độ cao, tại cơ quan Bộ, Tổng cục Du lịch, Tổng cục Thể dục thể thao. Ưu tiên một số trường học trực thuộc Bộ có nhu cầu cấp bách về sử dụng mạng LAN, internet phục vụ công tác giảng dạy và học tập nghiên cứu của sinh viên.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan, đơn vị

a) 100% văn bản quy phạm pháp luật của Bộ ban hành trong năm được số hóa; sử dụng tối đa văn bản điện tử trong chỉ đạo điều hành và trao đổi thông tin giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;

b) 100% cán bộ, công chức các cơ quan quản lý nhà nước; 100% lãnh đạo cấp Trưởng phòng trở lên và 01 hộp thư công vụ của đơn vị hành chính sự nghiệp được cung cấp địa chỉ thư điện tử theo hệ thống tên miền @mocst.gov.vn;

c) 100% cơ quan, đơn vị thuộc Bộ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cải cách hành chính.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Cung cấp tối thiểu 10 dịch vụ hành chính công mức 3 thông qua Cổng thông tin điện tử của Bộ;

b) Nâng cấp, duy trì cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành hiện có tại các cơ quan, đơn vị, đảm bảo 100% kết nối với Cổng thông tin điện tử của Bộ phục vụ việc tra cứu, phổ biến thông tin cho người dân và doanh nghiệp;

c) Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của Bộ được cập nhật thường xuyên, đầy đủ, chính xác qua Cổng thông tin điện tử của Bộ, trang tin điện tử của các Tổng cục, Cục, Vụ tạo thuận lợi cho việc tra cứu thủ tục hành chính của cơ quan, tổ chức, cá nhân, đồng thời cho phép cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi và theo dõi kết quả giải quyết, phản ánh kiến nghị về thủ tục hành chính;

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tạo lập hệ thống thông tin và các phần mềm quản lý phục vụ việc tra cứu, khai thác thông tin cho học sinh, sinh viên, người dân, doanh nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp khối trường học, bảo tàng, thư viện;

đ) Tạo nguồn thu qua việc cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin như: không gian lưu trữ; thiết kế xây dựng phần mềm và trang thông tin điện tử; dịch vụ cập nhật và số hóa thông tin, cơ sở dữ liệu; dịch vụ làm phim; dịch vụ quảng cáo trên trang tin điện tử; dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì các thiết bị tin học; dịch vụ tư vấn triển khai dự án công nghệ thông tin... tại các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin.

4. Nguồn nhân lực

a) Cán bộ, công chức, viên chức: 100% cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan trực tiếp phục vụ cung cấp dịch vụ hành chính công mức độ 3 được bồi dưỡng, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin, nghiệp vụ an ninh an toàn thông tin. Đảm bảo 100% cán bộ, công chức khối cơ quan quản lý nhà nước thực hiện tốt việc khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho công việc, sử dụng thư điện tử trong giao dịch công việc;

b) Cán bộ thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin: 100% được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về công tác an ninh, an toàn thông tin mạng, xây dựng và khai thác hệ thống thông tin chuyên ngành, vận hành hệ thống trang thiết bị hiện có, tham mưu đề xuất cho lãnh đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;

c) Cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin: 100% có kiến thức chuyên môn sâu về xây dựng, phát triển và quản trị cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành của Bộ, quản trị và khai thác các hệ thống thông tin chuyên ngành thông qua

Công thông tin điện tử của Bộ, các trang thông tin điện tử; công tác an ninh, an toàn thông tin mạng.

V. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Khối cơ quan quản lý nhà nước

1.1. Hạ tầng công nghệ thông tin

a) Củng cố, kiện toàn hạ tầng công nghệ thông tin của Công thông tin điện tử của Bộ;

b) Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống máy tính, phần mềm tại các cơ quan đảm bảo cấu hình có thể cài các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn;

c) Hoàn thiện hệ thống mạng LAN có dây, không dây (Wifi) tốc độ cao tại khối cơ quan Bộ, trụ sở của 02 Tổng cục. Lựa chọn để đầu tư thiết bị, đường truyền cáp quang ở các trục đường truyền chính;

d) Xây dựng hệ thống mạng internet, máy tính và thiết bị ngoại vi của các đơn vị cung cấp dịch vụ hành chính công cấp 3 trên Công thông tin điện tử của Bộ;

đ) Thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin (internet tốc độ cao, hosting, mail server, bảo trì máy tính...) theo các quy định và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

1.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan

a) Cung cấp hộp thư điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hộp thư tên miền@*mocst.gov.vn*) đối với cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ theo đúng quy định;

b) Nâng cấp, xây dựng các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Bộ; phần mềm phục vụ trao đổi thông tin, văn bản điện tử trên môi trường mạng giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

1.3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Cập nhật thường xuyên, đầy đủ, chính xác chủ trương, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, Chính phủ, Bộ ban hành thuộc các lĩnh vực do Bộ quản lý giúp người dân, doanh nghiệp, tra cứu, tiếp cận thông tin dễ dàng trên Công thông tin điện tử của Bộ và các trang thông tin điện tử;

b) Thường xuyên cập nhật, cung cấp công khai và đầy đủ Bộ thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ ở mức độ 2;

c) Triển khai cung cấp dịch vụ công mức độ 3 trên Công thông tin điện tử của Bộ, ưu tiên triển khai trước các dịch vụ hành chính công mang tính cấp bách;

d) Nâng cấp và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc các lĩnh vực quản lý tại các cơ quan giúp người dân, doanh nghiệp, tổ chức và chuyên gia tra cứu, khai thác;

d) Phát triển các dịch vụ công nghệ thông tin hiện có trên nền tảng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có: cho thuê hosting, thiết kế website, phần mềm ứng dụng, sản xuất phim tại Tổng cục Thể dục thể thao;

e) Triển khai giai đoạn 2 Dự án quảng bá truyền thông cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch bằng công nghệ truyền thông đa phương tiện IPTV.

1.4. Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin

a) Mỗi cơ quan bố trí từ 01 đến 02 cán bộ thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin;

b) Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn cho cán bộ, công chức (ưu tiên đội ngũ nhân lực phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ hành chính công) về sử dụng phần mềm quản lý hỗ trợ công việc; hệ điều hành mã nguồn đóng, nguồn mở; an toàn, an ninh thông tin trên máy tính cá nhân; tìm kiếm và khai thác thông tin dữ liệu trên internet phục vụ công việc;

c) Tổ chức 01 lớp đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân lực chuyên trách về quản trị mạng, máy chủ; xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin chuyên ngành; kỹ năng giải quyết các vấn đề công nghệ thông tin tại cơ quan.

2. Khối đơn vị sự nghiệp

2.1. Hạ tầng công nghệ thông tin

a) Nâng cấp, bổ sung máy tính có trang bị phần mềm hệ điều hành, phần mềm bản quyền an toàn, an ninh thông tin, phần mềm bản quyền diệt virus, an toàn máy chủ và hệ thống mạng máy tính; thiết bị an toàn mạng (tường lửa);

b) Ưu tiên nâng cấp hệ thống mạng LAN (có dây và không dây), đường truyền internet tốc độ cao thành cáp quang tại các trường học trực thuộc Bộ;

c) Triển khai thuê dịch vụ công nghệ thông tin (internet tốc độ cao, hosting, mail server, bảo trì máy tính..) theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

d) Nâng cấp trang thông tin điện tử để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, công bố thông tin, quảng bá hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thuộc khối Nhà hát, Bảo tàng, Thư viện, Nhà trường, Viện nghiên cứu.

2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ đơn vị

a) Nâng cấp hệ thống thư điện tử hiện có. Xây dựng hệ thống thư điện tử theo tên miền trang thông tin điện tử riêng của đơn vị nhằm đảm bảo tính thống nhất và sử dụng hiệu quả trong quản lý, định vị thương hiệu của đơn vị;

b) Xây dựng các hệ thống thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, khai thác thông tin phục vụ công tác điều hành, tác nghiệp tại đơn vị.

2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cung cấp các dịch vụ khai thác nội dung số hiện do đơn vị quản lý đến với người dân và doanh nghiệp;

b) Duy trì cập nhật dữ liệu các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đảm bảo việc kết nối các trang thông tin điện tử của đơn vị với Cổng thông tin điện tử của Bộ trong việc cung cấp thông tin.

2.4. Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin

a) Mỗi đơn vị bố trí từ 01 đến 02 cán bộ thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin;

b) Tổ chức 01 lớp tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ quản lý và cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin tại đơn vị thuộc Bộ;

c) Tổ chức 02 lớp đào tạo nguồn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyên sâu về quản trị các hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị; ưu tiên đào tạo cán bộ tại các cơ sở đào tạo, các đơn vị sự nghiệp khối nghệ thuật biểu diễn, cung cấp dịch vụ đối với người dân, doanh nghiệp;

d) Tổ chức 02 lớp nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức và người lao động về ứng dụng công nghệ thông tin trong sử dụng các phần mềm quản lý nhân sự, tài sản, hồ sơ công văn, quảng bá hoạt động của đơn vị, trong giảng dạy...

VI. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về tài chính

a) Kinh phí để thực hiện Kế hoạch được Bộ xem xét, cấp cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong năm 2015;

b) Đa dạng hóa nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch, các đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm sử dụng nguồn thu của đơn vị cho hoạt động phát triển ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Giải pháp triển khai

a) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn và xây dựng dự án, nhiệm vụ trình Bộ trưởng; kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo Bộ trưởng điều chỉnh Kế hoạch;

b) Thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến, gắn chương trình cải cách hành chính với nhiệm vụ tin học hóa quản lý nhà nước của Bộ.

3. Giải pháp về cơ chế, chính sách

a) Hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ: thực hiện chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ; ban hành các quy định và tiêu chuẩn cụ thể về việc sử dụng công nghệ thông tin đối với cán bộ, công chức, viên chức;

b) Xây dựng các chính sách, quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

c) Xây dựng chính sách thu hút và ưu đãi cán bộ công nghệ thông tin, tạo nguồn lực công nghệ thông tin trong toàn ngành.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn đầu tư phát triển và ngân sách sự nghiệp của Bộ hàng năm.

c) Đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động của Ban Chỉ đạo; hoạt động kiểm tra, báo cáo, tổng kết thực hiện Kế hoạch.


5. Vụ Kế hoạch, Tài chính

a) Cân đối, thực hiện cấp phát kinh phí được cân đối trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong Kế hoạch đã được phê duyệt; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được cấp theo quy định hiện hành;

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định của Nhà nước.

6. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Xây dựng cơ chế chính sách thu hút nhân lực và ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của Bộ;

b) Phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Thông tin Du lịch, Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao tổ chức đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin. 

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Bùi Thị Bích Liên

2. Nguồn vốn theo Chương trình mục tiêu phát triển công nghệ thông tin của Nhà nước.

3. Nguồn thu hợp pháp khác của các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ:

a) Cung cấp, cập nhật dữ liệu đối với các ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai;

b) Cử cán bộ tham gia khóa đào tạo về công nghệ thông tin đúng đối tượng;

c) Phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này;

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch 3 tháng, 6 tháng, 1 năm;

b) Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan dự toán kinh phí cụ thể cho các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin đã được lập trong Kế hoạch trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định nội dung các nhiệm vụ trong Kế hoạch đã được phê duyệt, trình Bộ trưởng phê duyệt từng nhiệm vụ cụ thể;

d) Định kỳ, đột xuất xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch theo yêu cầu của Trường Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin của Bộ

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tổ chức cán bộ, Trung tâm Thông tin Du lịch, Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin;

b) Phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường triển khai, giám sát thực hiện Kế hoạch, định kỳ xây dựng báo cáo trình Trường Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ;

c) Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường nghiên cứu sự phù hợp, tính tương thích và quy định các chuẩn về cơ sở dữ liệu, chuẩn về công nghệ, về công nghệ thông tin điện tử, các hệ thống thông tin... để đảm bảo sự thông suốt trong phạm vi hoạt động theo quy định.

4. Văn phòng Bộ

a) Chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và đảm bảo sự hoạt động ổn định, hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin của Công nghệ thông tin điện tử của Bộ, hệ thống thư điện tử của Bộ do Văn phòng Bộ quản lý;

b) Xây dựng quy định về danh mục các văn bản của Bộ trao đổi qua mạng nội bộ, mạng internet thông qua hộp thư điện tử và Cổng thông tin điện tử của Bộ;

DANH MỤC

Các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(Ban hành theo Quyết định số 5173/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì; phối hợp	Nội dung/hạng mục công việc dự kiến thực hiện năm 2015
I	Hạ tầng công nghệ thông tin				
1	Duy trì đảm bảo vận hành an toàn, thông suốt Công TTĐT của Bộ	Đảm bảo hạ tầng phục vụ hoạt động của Công TTĐT của Bộ	2015	VP Bộ, Trung tâm CNTT	Sử dụng hạ tầng hiện có và thuê dịch vụ CNTT theo quy định.
2	Nâng cấp hệ thống máy tính của cán bộ, công chức, viên chức.	Trang bị, nâng cấp máy tính tại các cơ quan có cung cấp dịch vụ hành chính công mức 3 trở lên trên Công TTĐT Bộ.	2015	VP Bộ, cơ quan có dịch vụ hành chính công mức 3 trở lên	Trang bị máy tính cho công chức trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ hành chính công.
3	Hoàn thiện mạng LAN có dây, không dây (wifi) tại khối cơ quan quản lý nhà nước và một số đơn vị sự nghiệp khối trường học, bảo tàng, Thư viện Quốc gia Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo đường truyền mạng LAN tốc độ cao; Wifi phủ sóng khu vực hành chính của cơ quan quản lý nhà nước của Bộ bao gồm các cơ quan ngoài trụ sở 51-53 Ngô Quyền. - Nâng cấp, xây dựng mạng LAN có dây, wifi tại khối trường học, bảo tàng, Thư viện Quốc gia Việt Nam. 	2015	<ul style="list-style-type: none"> - VP Bộ, các Tổng cục, Ban QL Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, Cục; - Đơn vị sự nghiệp khối trường học. - Trường CB quản lý VHTTDL. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp đường truyền mạng LAN, đường trục giữa các tòa nhà; nâng cấp, mua trang thiết bị mạng. - Ưu tiên triển khai mạng LAN tại các trường có đông học viên, sinh viên.
4	Thuê dịch vụ CNTT; xây dựng dự án về CNTT phục vụ quản lý nhà nước. (theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông)	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì các dịch vụ CNTT phù hợp với nhu cầu theo quy định đảm bảo tiết kiệm. - Nghiên cứu, xây dựng, thuê hạ tầng phục vụ đại hội ABG 5. 	2015	Tổng cục TDTT, Cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ.	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê dịch vụ thường xuyên: hosting, mail, internet, bảo trì... - Khảo sát, đánh giá, xây dựng dự án và thực hiện khi được phê duyệt.

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì; phối hợp	Nội dung/hạng mục công việc dự kiến thực hiện năm 2015
5	Xây dựng hệ thống điều hành hành chính thông tin liên lạc trên môi trường mạng.	Hệ thống quản lý điều hành hành chính trên môi trường mạng; quản lý công văn giấy tờ, giấy giới thiệu, công lệnh; họp, hội nghị trực tuyến; Từng bước tạo lập cơ sở dữ liệu các văn bản sử dụng trong điều hành hành chính trên môi trường mạng.	2015	Văn phòng Bộ.	Khảo sát, đánh giá; Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện khi được duyệt.
6	Hoàn thiện hạ tầng CNTT tại các đơn vị chuyên trách CNTT của Bộ, các Tổng cục	Hoàn thiện hạ tầng CNTT tại Trung tâm CNTT, Trung tâm Thông tin Du lịch, Trung tâm Thông tin TĐTT đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định.	2015	Trung tâm CNTT, Trung tâm Thông tin DL, Trung tâm Thông tin TĐTT.	Khảo sát, đánh giá; Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện khi được duyệt.
7	Tiếp tục thực hiện các dự án đã được phê duyệt.	Triển khai, hoàn thiện các dự án CNTT đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	2015	Các đơn vị sự nghiệp có dự án.	Thực hiện các nhiệm vụ theo tiến độ nêu trong các dự án.
8	Đầu tư phòng máy tính phục vụ giảng dạy	- Phục vụ giảng dạy, thực hành nghiệp vụ - Phục vụ đào tạo trực tuyến, giáo án điện tử	2015	Đơn vị sự nghiệp khối trường học.	Bước đầu lựa chọn, lập dự án, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt chủ trương.
II	Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan, đơn vị				
9	Nâng cấp, trang bị phần mềm quản lý phục vụ công việc.	Nâng cấp, trang bị phần mềm thiết yếu phục vụ quản lý tại cơ quan và đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.	2015	VP Bộ, Trung tâm CNTT; Các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.	Đánh giá nhu cầu và triển khai thí điểm sử dụng phần mềm: quản lý hồ sơ, quản lý tài sản, phần mềm kế toán, quản lý cán bộ, tiền lương,...
10	Trang bị hộp thư điện tử công vụ.	100% cơ quan có hộp thư công vụ; lãnh đạo các cấp theo quy định. Tăng cường sử dụng hộp thư và trao đổi văn bản điện tử.	2015	Văn phòng Bộ và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan.	Lập kế hoạch, cấp phát hộp thư công vụ của cơ quan, hộp thư công vụ cá nhân theo tên miền chính của Bộ @mocst.gov.vn
11	Phần mềm quản lý ở trường học.	Phần mềm quản lý sinh viên, quản lý đào tạo, quản lý sinh viên ký túc xá.	2015	Khối trường học	Đánh giá nhu cầu, triển khai thí điểm ở một số trường học.
III	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp				
12	Duy trì hoạt động Cổng/trang tin điện tử	Cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin hoạt động, văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, của các cơ quan lên Cổng TTĐT Bộ, Trang tin điện tử.	2015	VP Bộ, các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ.	- Xây dựng nội dung, biên tập, cập nhật dữ liệu lên Cổng TTĐT Bộ, Trang tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước.

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì; phối hợp	Nội dung/hạng mục công việc dự kiến thực hiện năm 2015
					- Xây dựng và thực hiện giải pháp tiến tới nâng cao chất lượng cung cấp, xử lý thông tin
13	Cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến	10 dịch vụ hành chính công được cung cấp ở mức 3, trên Cổng TTĐT của Bộ	2015	VP Bộ, Trung tâm CNTT và cơ quan có cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến	Theo kế hoạch cung cấp dịch vụ hành chính công của Văn phòng Bộ và các cơ quan có liên quan.
14	Xây dựng, nâng cấp trang tin điện tử các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.	- Đảm bảo 100% các Cục quản lý nhà nước có trang tin điện tử và một số Vụ chức năng có nhu cầu cấp thiết. - Các đơn vị sự nghiệp có nhu cầu cao về trang tin điện tử. - Nâng cấp trang tin điện tử hiện có đảm bảo nhu cầu quảng bá văn hóa, thể thao, du lịch trong, ngoài nước và thông tin, dịch vụ của đơn vị đến người dân, doanh nghiệp.	2015	Cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.	Các cơ quan, đơn vị lập đề án nâng cấp, xây dựng (đối với cơ quan, đơn vị chưa có trang tin điện tử) để án trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt.
15	Xây dựng thư viện điện tử phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.	Từng bước xây dựng thư viện điện tử phục vụ giảng dạy, nghiên cứu. Số hóa có chọn lọc tư liệu tại các viện nghiên cứu, trường.	2015	Viện nghiên cứu, học viện, trường đại học, cao đẳng thuộc Bộ.	Bước đầu lựa chọn, số hóa tài liệu khoa học, giáo trình... phục vụ nghiên cứu, giảng dạy.
16	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành	- Số hóa tư liệu, tài liệu, hiện vật. - Xây dựng cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước và của đơn vị sự nghiệp.	2015	Các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp có liên quan.	Bước đầu lựa chọn, lập dự án số hóa tư liệu, trình Lãnh đạo Bộ.
IV	Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin				
17	Đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ thực hiện hoạt động CNTT tại cơ quan, đơn vị	- Đào tạo quản trị các hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị. - Đào tạo quản trị mạng, máy chủ; xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin chuyên ngành; kỹ năng giải quyết các vấn đề công nghệ thông tin tại cơ quan.	2015	Trung tâm Công nghệ thông tin; Vụ KHCNMT, Vụ Tổ chức cán bộ, Trung tâm Thông tin Du lịch, Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao	Đào tạo 02 lớp
18	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên sâu về	- Đào tạo về quản trị mạng máy tính, trung tâm dữ liệu và cung cấp dịch vụ CNTT.	2015	Trung tâm Thông tin TĐTT, Trung tâm	Đào tạo 02 lớp



TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì; phối hợp	Nội dung/hạng mục công việc dự kiến thực hiện năm 2015
	về quản trị các hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị	- Đào tạo về quản trị và khai thác hiệu quả hệ thống thông tin chuyên ngành văn hóa, thể thao, du lịch.		Thông tin Du lịch; Trung tâm Công nghệ thông tin, Vụ KHCNMT, Vụ Tổ chức cán bộ	
19	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức	- Có kiến thức chuyên môn cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến. - Cán bộ công chức, viên chức về sử dụng các phần mềm quản lý, an toàn an ninh thông tin trên máy tính cá nhân, hộp thư điện tử, khai thác thông tin trên internet. - Về nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong giảng dạy, quảng bá thương hiệu, cung cấp thông tin về văn hóa, thể thao, du lịch đến người dân, doanh nghiệp.	2015	Trung tâm Công nghệ thông tin; Vụ KHCNMT, Vụ Tổ chức cán bộ, Trung tâm Thông tin Du lịch, Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao	Đào tạo 03 lớp

Tổng số có 19 nhiệm vụ./.

* Các cơ quan, đơn vị không có tên trong danh mục, đề nghị căn cứ mục tiêu của Kế hoạch chủ động xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh phí hàng năm cấp về đơn vị.